

Số: /KH-PGDĐT

Tân An, ngày tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hè năm học 2022-2023

Căn cứ Kế hoạch số 1630/KH-SGDĐT ngày 16/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Long An về thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) hè năm học 2022-2023, Phòng GD&ĐT thành phố Tân An- Thường trực Ban chỉ đạo PCGD, XMC thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện “**Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hè năm học 2022-2023**” với những nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2022

Tính đến cuối tháng 12/2022, công tác PCGD, XMC thành phố Tân An đạt kết quả như sau:

1. PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Toàn thành phố có 14/14 xã, phường đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ 100%
- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp/tổng số trẻ em 5 tuổi trên địa bàn: 1.570/1.570, tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non/tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp: 1.677/1.677, tỷ lệ: 100%.

2. PCGD tiểu học

- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1/tổng số trẻ em 6 tuổi trên địa bàn: 1.677/1.677, tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn: 1.794/1.827, tỷ lệ 98,19%. Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn: 33/1.827, tỷ lệ 1,81%.

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%
- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%
- Tổng số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em đến 14 tuổi trên địa bàn: 7.057/7.095, tỷ lệ 99,46%.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn: 6.861/7.125 tỷ lệ 96,29%.
- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 trên địa bàn: 6.425/7.125 tỷ lệ: 90,18%.
- Số học sinh tốt nghiệp THCS/tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm qua: 1790/1799, tỷ lệ 99,5%. Trong đó, số học sinh vào học lớp 10 (2 hệ)/tổng số học sinh tốt nghiệp THCS: 1718/1790, tỷ lệ 96,03%.

4. Xóa mù chữ

- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Số xã, phường được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2/tổng số xã, phường: 14/14, tỷ lệ: 100%.
- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn: 37.211/37.255, tỷ lệ 99,88%.
- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 trên địa bàn: 17.761/17.761, tỷ lệ: 100%.
- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 trên địa bàn: 95.622/98.047, tỷ lệ 97,53%.
- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn: 37.125/37.255, tỷ lệ 99,65%.

5. Huy động người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục

Toàn thành phố có 45/62 người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục, tỷ lệ 72,58%.

6. Kết quả thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

Số TT	Tiêu chí	Tổng số	Số lượng đạt	Tỉ lệ %
1	Trường THCS có Chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	09	09	100
2	Trường THPT có Chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	04	04	100
3	Trường THCS có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	09	09	100
4	Trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	04	04	100
5	Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp	1772	158	8,92
6	Học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại trường cao đẳng, đại học	1460	1014	69,45
	<i>Trong đó, học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng</i>	1460	181	12,4

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- Duy trì và nâng cao chất lượng kết quả đạt chuẩn về PCGD, XMC.
- Có nhiều giải pháp sáng tạo, đột phá trong việc triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”; phấn đấu hướng tới đạt các chỉ tiêu đã đề ra trong năm 2025.

2. Yêu cầu

- Ban chỉ đạo cấp xã, phường lập kế hoạch cụ thể cho kế hoạch PCGD, XMC hè năm học 2022-2023 và tổ chức lễ phát động vào đầu tháng 6/2023.
- Kế hoạch phải thiết thực, phù hợp với tình hình địa phương, đảm bảo thực hiện được và có hiệu quả; đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, tỉnh về an toàn phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh khác.
- Có sự phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo theo đối tượng địa bàn. Lực lượng tham gia PCGD, XMC phải có các ban, ngành, đoàn thể, hội, lực lượng giáo dục,...

3. Chỉ tiêu

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi; duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD trung học cơ sở mức độ 3, XMC mức độ 2.
- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6; huy động các em trong độ tuổi ra lớp; hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học.
- Huy động hết đối tượng trong độ tuổi từ 6-14 đã bỏ học ở các lớp tiểu học ra các lớp học PCGDTH.
- Huy động hết đối tượng trong độ tuổi từ 11-18 đã bỏ học ở các lớp THCS ra các lớp học phổ cập.
- Huy động học sinh tốt nghiệp THCS bỏ học tham gia học nghề; thanh niên trong độ tuổi 18-21 đã bỏ học ở các lớp THCS, THPT ra các lớp học PCGD THCS hoặc học nghề.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về PCGD, XMC bằng nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt.

- Tiếp tục triển khai tuyên truyền Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về PCGD, XMC; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình và thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của PCGD, XMC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực; nâng cao trách nhiệm quản lý, điều hành công tác PCGD, XMC.
- Tuyên truyền, vận động thực hiện tốt ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”; vận động học sinh bỏ học trở lại lớp; tạo điều kiện, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đến trường, đến lớp.
- Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về lợi ích, vai trò và tầm quan trọng của học tập thường xuyên, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác PCGD, XMC.

- Ngành Giáo dục phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp về triển khai thực hiện công tác PCGD, XMC hè năm học 2022-2023 ở địa phương.
- củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Ban Chỉ đạo các xã, phường.

- Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác PCGD, XMC ở cơ sở.

3. Tăng cường tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

- Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông trong việc giáo dục, tuyên truyền thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh, đào tạo nghề.

- Có các giải pháp đột phá trong việc triển khai thực hiện Công văn số 7560/UBND-VHXXH ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chỉ tiêu hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh giai đoạn 2022-2025.

- Đa dạng, linh hoạt, sáng tạo nhiều hình thức tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT vào học các ngành nghề ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng nghiệp tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, triển khai các hoạt động tư vấn học đường cho học sinh THCS, THPT nhằm định hướng nghề nghiệp cho các em.

- Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương.

- Vận động, huy động các nguồn lực xã hội tham gia, hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

4. Tích cực vận động, huy động các học viên trong độ tuổi PCGD, XMC bỏ học đến lớp, đến trường.

- Có các giải pháp hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; nhất là học sinh lưu ban, bỏ học trong hè.

- Huy động nhiều lực lượng xã hội tham gia PCGD, XMC nhằm duy trì sĩ số học sinh trong các trường phổ thông.

- Điều tra, tuyên truyền, vận động ra lớp và duy trì sĩ số các lớp học PCGD, XMC.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, huy động học sinh trong độ tuổi vào học lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 6) năm học 2023-2024; nâng cao chất lượng và tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học; tốt nghiệp THCS năm 2023.

- Vận động và mở lớp cho những người trong độ tuổi 15-60 tham gia học các lớp học XMC nhằm nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn XMC mức độ 2.

- Phối hợp các ngành, các cấp tuyên truyền, vận động các đối tượng diện PCGD THCS bỏ học tham gia học các lớp PCGD hoặc học nghề.

- Có các giải pháp hiệu quả, thiết thực nhằm củng cố, duy trì và nâng cao tỉ lệ, chất lượng đạt chuẩn PCGD, XMC hàng năm.

5. Đổi mới công tác quản lý, tổ chức lớp học PCGD, XMC phù hợp với các nhóm đối tượng.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy - học của giáo viên và học sinh; tổ chức đa dạng, phù hợp và hiệu quả các hoạt động giáo dục ở các lớp PCGD, XMC.

- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học theo nhóm nhỏ (hoặc theo cá nhân); linh hoạt kết hợp dạy XMC với xóa mù công nghệ cho học viên để sử dụng các thiết bị thông minh trong cập nhật kiến thức cơ bản. Hình thức tổ chức các lớp học phong phú, đa dạng, thời gian và địa điểm linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

- Các Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng tích cực mở các lớp học PCGD, XMC để củng cố kết quả biết chữ, tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và áp dụng vào cuộc sống để phát triển kinh tế; học nghề, tìm kiếm việc làm,...

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia PCGD, XMC.

- Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia dạy các lớp PCGD, XMC phải đảm bảo công bằng, hợp lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

- Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên trong và ngoài ngành GD&ĐT tham gia dạy PCGD, XMC.

- Thực hiện theo quy định về chế độ, chính sách cho những đối tượng tham gia công tác PCGD, XMC.

- Thực hiện tốt việc quản lý và lưu trữ hồ sơ PCGD, XMC.

7. Khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, cập nhật và quản lý PCGD, XMC; tập huấn, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả phần mềm PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên chuyên trách PCGD, XMC.

- Tiến hành điều tra, rà soát, bổ sung, cập nhật số liệu PCGD, XMC kịp thời, chính xác, đúng đối tượng trong phần mềm PCGD, XMC năm 2023 của Bộ GD&ĐT.

8. Tăng cường công tác phối hợp và thực hiện xã hội hóa giáo dục

- Ngành Giáo dục phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở địa phương thực hiện tốt công tác PCGD, XMC; tăng cường nguồn đầu tư, kiên cố hóa trường lớp.

- Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, động viên khen thưởng học sinh học giỏi chăm ngoan, gia đình hiếu học...

- Tuyên truyền, vận động, huy động các nguồn lực tiếp sức mùa thi, tiếp sức đến trường.

- Vận động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đóng góp kinh phí, sách, vở hỗ trợ cho người dạy, người học PCGD, XMC.

9. Thực hiện nghiêm và đúng quy định về chế độ thông tin, báo cáo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phòng GD&ĐT đề nghị:

- Các thành viên Ban chỉ đạo PCGD, XMC thành phố và UBND các xã, phường phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch ***“Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hệ năm học 2022-2023”***.

- Phòng Văn hóa-Thông tin thành phố, Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Truyền thanh thành phố, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền PCGD, XMC bằng nhiều hình thức như: thông tin cổ động, áp phích, pano, khẩu hiệu,... ở tất cả các đơn vị xã, phường.

Phòng GD&ĐT- Thường trực BCĐ PCGD, XMC thành phố phối hợp với các thành viên BCĐ PCGD, XMC thực hiện:

- **Giai đoạn 1:** từ 01/6/2023 đến 10/6/2023, các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức tổng điều tra, cập nhật số liệu, chuẩn bị các yêu cầu cần thiết để thực hiện kế hoạch. Từ ngày 10/6/2023 đến ngày 31/8/2023, các địa phương tổ chức lễ phát động ra quân, tuyên truyền, huy động đối tượng ra lớp PCGD, XMC, củng cố hồ sơ PCGD, XMC,...

- **Giai đoạn 2:** trong tháng 9/2023, các địa phương tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và tiếp tục hoàn thành công tác PCGD, XMC năm 2023.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi về Phòng GD&ĐT trước ngày 05/10/2023 để tổng hợp báo cáo Sở GD&ĐT (theo phụ lục báo cáo đính kèm).

Trên đây là kế hoạch thực hiện **“Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hè năm học 2022-2023”** của Phòng GD&ĐT. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc báo cáo về Phòng GD&ĐT-Thường trực Ban chỉ đạo PCGD, XMC thành phố để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- UBND TP (b/c);
- Phòng VH-TT TP (p/h);
- TT VH-TT&TT TP (p/h);
- Thành viên BCĐ PCGD, XMC TP (p/h);
- UBND các xã, phường (p/h);
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Dương Nguyên Quốc

Phụ lục báo cáo

UBND THÀNH PHỐ...
BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC

CỘNG HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC ...

Tân An, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hè năm học 2022 – 2023**

Căn cứ

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi
2. Khó khăn

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tham mưu trong công tác chỉ đạo
2. Phát triển mạng lưới giáo dục
3. Đội ngũ giáo viên

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PCGD, XMC HÈ**1. Kết quả PCGD, XMC****a. PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp/tổng số trẻ em 5 tuổi của huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non/tổng số trẻ em 5 tuổi đến lớp: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tổng số trẻ 0-5 tuổi được hưởng chế độ chính sách theo qui định ... trẻ, trong đó có .. trẻ 5 tuổi.

Đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi:

b. Xóa mù chữ

- Đơn vị cấp xã: toàn huyện có .../.. xã đạt mức độ 1, tỷ lệ ...%; có .../... xã đạt mức độ 2, tỷ lệ ...%.

- Huyện đạt mức độ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 trên địa huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2/tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số lớp, số học viên XMC đã mở trong hè (nêu cụ thể từng loại lớp).

c. PCGD tiểu học

- Đơn vị cấp xã: toàn huyện có .../.. xã đạt mức độ 1, tỷ lệ ...%; có .../... xã đạt mức độ 2, tỷ lệ ...%; có .../... xã đạt mức độ 3, tỷ lệ ...%; .

- Huyện đạt mức độ: ...

- Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1/tổng số trẻ em 6 tuổi của huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tổng số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%. *Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học/tổng số trẻ em 11 tuổi trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.*

- Số lớp, số học viên TH đã mở trong hè (nêu cụ thể từng loại lớp).

d. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Đơn vị cấp xã: toàn huyện có .../.. xã đạt mức độ 1, tỷ lệ ...%; có .../... xã đạt mức độ 2, tỷ lệ ...%; có .../... xã đạt mức độ 3, tỷ lệ ...%; .

- Huyện đạt mức độ: ...

- Tổng số trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học/ tổng số trẻ em đến 14 tuổi trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh: huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp/tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở trên địa bàn huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số học sinh tốt nghiệp THCS/tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm qua của huyện: .../..., tỷ lệ ...%. Trong đó, số học sinh vào học lớp 10 (2 hệ)/tổng số học sinh tốt nghiệp THCS của huyện: .../..., tỷ lệ ...%.

- Số lớp, số học viên THCS đã mở trong hè (nêu cụ thể từng loại lớp).

- Số lớp, số học viên THPT đã mở trong hè (nêu cụ thể từng loại lớp).

e. Huy động người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục

Toàn huyện có .../... người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục, tỷ lệ ...%.

f. Kết quả thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

Số TT	Tiêu chí	Tổng số	Số lượng đạt	Tỉ lệ %
01	Trường THCS có Chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương			
02	Trường THPT có Chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương			
03	Trường THCS có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ			
04	Trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ			
05	Học sinh tốt nghiệp THCS. Trong đó:			
	- Tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp. <i>Chia ra:</i> + <i>Học nghề sơ cấp</i> + <i>Học nghề trung cấp</i>			
	- Học THPT (THPT và GDTX). <i>Chia ra:</i> + <i>Công lập</i> + <i>Tư thục</i>			
	- Đi làm			
	- Ở nhà			
06	Học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại trường cao đẳng, đại học			
	<i>Trong đó, học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng</i>			

2. Công tác điều tra, lập hồ sơ, sử dụng phần mềm PCGD, XMC

3. Nội dung khác có hiệu quả: ...

IV. CÔNG TÁC PHỐI KẾT HỢP

V. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN PCGD, XMC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác PCGD, XMC

2. Dự kiến chỉ tiêu đạt chuẩn PCGD, XMC đến tháng 12 năm 2023
(theo nội dung của phần 1 mục III)

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện kế hoạch PCGD, XMC hè năm học 2022-2023 và phương hướng 6 tháng cuối năm 2023 của.....

Nơi nhận:

TRƯỞNG BAN

Phụ lục:

BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU PCGD, XMC HÈ NĂM HỌC 2022-2023

I. VẬN ĐỘNG HỌC SINH BỎ HỌC TRONG HÈ RA LỚP

1. Tiểu học

[illegible]

2. Trung học cơ sở

[illegible]

3. Trung học phổ thông

Số TT	Xã, phường	Tổng số học sinh bỏ học/nữ			Tổng số học sinh ra lớp/nữ			Ghi chú
		Lớp10	Lớp11	Lớp12	Lớp10	Lớp11	Lớp12	
01								
02								
...								

II. VẬN ĐỘNG HỌC SINH RA CÁC LỚP PCGD, XMC

1. Tiểu học

[illegible]

2. Xóa mù chữ

[illegible]

3. Trung học cơ sở

Số TT	Xã, phường	Tổng số học sinh ra lớp				Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp				Ghi chú
		Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9	Lớp6	Lớp7	Lớp8	Lớp9	
01										
02										
...										

4. Trung học phổ thông

Số TT	Xã, phường	Tổng số học sinh ra lớp			Trong đó, tổng số nữ học sinh ra lớp			Ghi chú
		Lớp10	Lớp11	Lớp12	Lớp10	Lớp11	Lớp12	
01								
02								
...								